

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 110/2023/HS-ST
Ngày: 14-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thiềm Quốc Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Tuyết Mai
- Ông Nguyễn Thanh Tùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng tham gia phiên tòa:**
Ông Đồng Việt Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 102/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Trương Phạm N, sinh năm: 1983 tại Cần Thơ.

Nơi cư trú: Đường D, khu dân cư H, khu vực 5, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng Trung tâm giao dịch tại C - Công ty TNHH S; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Ngọc T (chết) và bà: Phạm Ngọc X, vợ: Phạm Thị T (đã ly hôn), có 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam: Ngày 13/10/2022. (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

+ Luật sư **Nguyễn Trường S** - Văn phòng Luật sư V, Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

+ Luật sư **Nguyễn Văn Đ** - Văn phòng Luật sư V, Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

- **Bị hại: Công ty Trách nhiệm hữu hạn S**

Trụ sở: Khu công nghiệp trong khu chế xuất S - Phường L, thành phố T, thành phố H. (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ **Phạm Thị T**, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Đường 3/2, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

+ **Trần Thị Yến P**, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Đường Đ, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đ. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (gọi tắt là Công ty S) hoạt động kinh doanh dịch vụ bưu chính, vận tải, vận chuyển bưu kiện hàng hoá, được thành lập và hoạt động vào ngày 06/3/2015, có trụ sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình hoạt động, Công ty S có thành lập Trung tâm giao dịch tại Cần Thơ, địa chỉ Đường D, khu dân cư H, khu vực 5, phường H, quận C, thành phố C.

Vào ngày 01/4/2019, Trương Phạm N được bổ nhiệm làm Trưởng Trung tâm giao dịch tại Cần Thơ, có trách nhiệm quản lý, vận hành các hoạt động của Trung tâm giao dịch, thu hồi công nợ từ khách hàng và nộp công nợ của khách hàng về cho Công ty S. Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2019 đến tháng 02/2020, Trương Phạm N đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, N đã thu hồi công nợ từ khách hàng với tổng số tiền 319.431.158 đồng nhưng không nộp về Công ty S theo quy định mà sử dụng số tiền này để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Trong tổng số tiền mà Trương Phạm N đã chiếm đoạt là tiền thu công nợ từ Công ty hóa mỹ phẩm X do bà Trần Thị Kim O là người đại diện theo pháp luật với số tiền là 38.654.750 đồng. Số tiền còn lại 280.776.408 đồng là tiền từ các khách hàng lẻ gồm có Công ty Ng - B, Công ty TNHH MTV N, Công ty TNHH MTV T, Cơ sở hoá mỹ phẩm H, Công ty TNHH T, các công ty này khi giao dịch với Trung tâm giao dịch tại Cần Thơ của Công ty S đều được Trương Phạm N sử dụng danh nghĩa của Công ty X.

Quá trình điều tra Trương Phạm N khai nhận, trong thời gian được Công ty S giao điều hành, quản lý Trung tâm giao dịch tại Cần Thơ, Trương Phạm N đã nhận vận chuyển hàng hoá và thu phí từ các Công ty Ng - B, Công ty TNHH MTV N, Công ty TNHH MTV T, Cơ sở hoá mỹ phẩm H, Công ty TNHH T nhưng không lập phiếu nhận và gửi hàng thực tế từ các công ty này mà báo là hàng hoá do Công ty hoá mỹ phẩm X gửi và nợ tiền hàng. Số tiền mà N đã nhận thanh toán từ các Công ty Ng - B, Công ty TNHH MTV N, Công ty TNHH MTV T, Cơ sở hoá mỹ phẩm H, Công ty TNHH T thì N sử dụng để trả nợ ngân hàng và tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra còn xác định Trương Phạm N còn thành lập Công ty TNHH MTV TMDV Thủy T và để cho Phạm Thị T là vợ của N đứng tên đại diện theo pháp luật. Trong thời gian từ khi N được bổ nhiệm, phân công làm

Trường Trung tâm giao dịch tại Cần Thơ thì Công ty Thủy T còn nợ Công ty S tiền cước phí là 210.904.039 đồng.

Trương Phạm N và gia đình đã bồi thường và trả nợ cho Công ty S tổng số tiền 584.037.156 đồng, trong đó có 53.701.959 đồng là tiền lãi N tự nguyện trả do chậm thanh toán cho Công ty S, còn lại là toàn bộ số tiền mà N đã chiếm đoạt của Công ty S và tiền mà Công ty T nợ của Công ty S.

Tại Bản cáo trạng số 90/CT-VKS-CR ngày 27/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ đã truy tố Trương Phạm N về tội “Tham ô tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trương Phạm N vẫn thừa nhận hành vi phạm tội như đã khai trong quá trình điều tra và nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo chỉ xin xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Kiểm sát viên trình bày luận tội, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời phân tích, đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo. Trên cơ sở đó, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Phạm N từ 08 năm đến 09 năm tù về tội Tham ô tài sản. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo đã bồi thường cho bị hại và bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ bào chữa, thống nhất tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, về hình phạt tù thì người bào chữa cho rằng mức án mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là nặng. Cạnh đó, người bào chữa cũng nêu ra các tình tiết để xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như bị cáo đã khắc phục hậu quả, bồi thường cho bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đã thực hiện nghĩa vụ quân sự; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, có con nhỏ đang bị bệnh; nhân thân bị cáo chưa tiền án, tiền sự. Trên cơ sở đó, người bào chữa đề nghị áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, đề nghị cho bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Qua quá trình tranh luận, đối đáp, Kiểm sát viên và người bào chữa vẫn giữ nguyên quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hội đồng xét xử xét thấy, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều thể hiện một cách nhất quán, đảm bảo tính khách quan, tính liên quan và hợp pháp, cơ quan tiến hành tố tụng cũng đã đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho những người tham gia tố tụng.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, qua lời khai nhận của bị cáo, đối chiếu với các chứng cứ và tài liệu thu thập được, đã chứng minh được rằng, trong thời gian từ tháng 11/2019 đến tháng 02/2020, bị cáo Trương Phạm N đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao là quản lý, vận hành các hoạt động của Trung tâm giao dịch tại Cần Thơ thuộc Công ty S, thu hồi công nợ từ khách hàng và nộp công nợ của khách hàng về cho Công ty S. Tuy nhiên, bị cáo N đã thu hồi công nợ của khách hàng với tổng số tiền 319.431.158 đồng nhưng không nộp về Công ty S theo quy định mà chiếm đoạt số tiền này để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn và quyền sở hữu tài sản của Công ty S được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Tham ô tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự như luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ pháp luật.

[3] Trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước ta đang ra sức xây dựng một xã hội văn minh, mọi người phải hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, xem pháp luật là thước đo chuẩn mực của đời sống xã hội nhưng bị cáo không thực hiện theo tinh thần, chủ trương đó mà đi ngược lại. Đối với bị cáo cần phải có hình phạt nghiêm nhằm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng có xem xét đến tình tiết khắc phục hậu quả, bồi thường cho bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Không có cơ sở áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo đề nghị của người bào chữa.

[4] Về phần trách nhiệm dân sự, do bị hại đã nhận lại được tài sản và được bồi thường thiệt hại, không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố: Bị cáo Trương Phạm N phạm tội “Tham ô tài sản”.

1. Căn cứ: Điểm d khoản 2 Điều 353, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trương Phạm N 08 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 13/10/2022.

2. Căn cứ: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trương Phạm N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện KSND quận Cái Răng;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Cái Răng;
- Chi cục THADS quận Cái Răng;
- Nhà tạm giữ Công an quận Cái Răng;
- Sở Tư pháp Tp. Cần Thơ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thiêm Quốc Khanh